

# Phân biệt các loại câu Tiếng Anh

Đỗ Thị Xuân\*

\*Trường Đại học Hạ Long

Received: 9/2/2023; Accepted: 13/2/2023; Published: 12/5/2023

**Abstract:** When combining many types of words in English, we will get one sentence. However, in order to form a grammatically correct sentence, learners must arrange them in an exact order and according to different types of sentences. This is not an easy task even for those who have studied English for many years. In this article, the author will give an overview of sentence types in English.

**Key words:** simple sentences, compound sentences, grammatical structures, question words, complex sentences, imperative sentences...

## 1. Đặt vấn đề

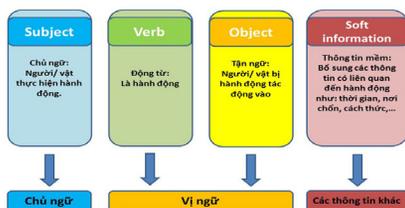
Cả 4 kỹ năng tất yếu của một ngoại ngữ nói chung, và Tiếng Anh nói riêng, là nghe, nói, đọc, viết. Nhưng cả 4 kỹ năng này là những mảng lớn được tạo thành từ những yếu tố nhỏ. Mà yếu tố nhỏ chung ở đây chính là câu. Đúng vậy! Phải có câu mới ra bài nghe. Phải có câu mới nói được. Phải có câu mới thành đoạn văn cho mình đọc. Và cũng phải có câu mình mới viết ra bài! Để viết đúng được một câu không phải người học nào cũng viết đúng, nói đúng. Có rất nhiều người học Tiếng Anh đã lâu nhưng cũng chưa nắm chắc được các loại câu, thậm chí có người *Dịch word-by-word* có nghĩa là *dịch từng từ trong một câu sang một ngôn ngữ khác mà không quan tâm đến từ loại, ngữ pháp, cấu trúc hay ý nghĩa tổng thể của cả câu*. Điều này gây ra sự khó hiểu cho người nghe/người đọc, và khi đi thi thì *đồng nghĩa với việc bị mất điểm*. Trong bài viết này, tác giả xin nêu ra các loại câu giúp người học phân biệt và nắm chắc hơn về các loại câu Tiếng Anh.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Định nghĩa câu

Câu là một nhóm từ chuyển tải một nội dung hoàn chỉnh, có ít nhất một chủ ngữ, vị ngữ và kết thúc bằng một dấu câu (dấu chấm “.”, chấm than “!”, dấu hỏi “?”, ...).

Câu cũng có thể chỉ gồm một hoặc hai, ba từ nhưng vẫn đủ nghĩa (ví dụ trong các câu mệnh lệnh, câu đáp lại).



Cấu trúc câu trong Tiếng Anh

Một câu trong Tiếng Anh phải có những yếu tố sau:

- Bắt đầu câu với một chữ cái viết hoa.

**He works very hard.**

*Anh ấy làm việc rất chăm chỉ.*

- Kết thúc câu bằng dấu chấm câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than...)

**He obtained his degree.**

*Anh ấy đã lấy được bằng cấp.*

- Có một chủ ngữ (có thể là danh từ, cụm danh từ hoặc đại từ)

**Mike plays the piano very well.**

*Mike chơi piano rất hay.*

**It rains a lot in winter.**

*Trời mưa rất nhiều vào mùa đông.*

- Có vị ngữ (động từ, cụm động từ, nhóm từ)

**My mother sleeps** (động từ đóng vai trò vị ngữ).

*Mẹ tôi ngủ.*

**He bought a new car** (động từ & tân ngữ đóng vai trò vị ngữ)

*Anh ấy đã mua một chiếc xe hơi mới.*

- Một câu phải có một ý tưởng/ý nghĩa hoàn chỉnh.

**I can speak English.**

*Tôi có thể nói Tiếng Anh.*

- Ngoài ra, một số cấu trúc câu có thể không cần phải có chủ ngữ đi kèm như câu yêu cầu hoặc câu mệnh lệnh.

**Let's do it!**

*Hãy cứ làm thôi!*

**Come in, please.**

### 2.2. Phân biệt các loại câu Tiếng Anh

Phân biệt các loại câu trong Tiếng Anh, người học phải phân biệt theo hai cách đó là phân biệt theo cấu trúc ngữ pháp và phân biệt theo mục đích chức năng

sử dụng

### 2.2.1. Phân loại theo cấu trúc ngữ pháp

#### a. Câu đơn (Simple sentences)

Câu đơn là câu chỉ có một mệnh đề độc lập (independent clause), nghĩa là chỉ có một chủ ngữ và một động từ, đôi khi có thể có tân ngữ (object) và bổ ngữ (modifier). Khi sử dụng một ngoại động từ trong câu thì bắt buộc phải có tân ngữ đi kèm, ngược lại một nội động từ sẽ không cần sử dụng tân ngữ theo sau.

Một mệnh đề độc lập phải có ý nghĩa hoàn chỉnh mới là câu đơn được. Ví dụ “I like” không phải là một câu hoàn chỉnh dù có chủ ngữ (I) và động từ (like), vì nó không diễn đạt được một suy nghĩ hoặc ý tưởng hoàn chỉnh. “I like football” diễn đạt được đủ ý, do đó là câu đơn hoàn chỉnh.

#### b. Câu ghép (compound sentences)

Câu ghép (câu hợp) là câu có ít nhất 2 mệnh đề độc lập. Những mệnh đề này được kết nối với nhau bằng các liên từ kết hợp, liên từ tương quan, trạng từ liên kết, hoặc bằng dấu chấm phẩy.

- Một số liên từ kết hợp (coordinating conjunctions):

*for, and, nor, but, or, yet, so (bạn có thể nhớ theo cách viết tắt là FANBOYS).*

- Một số trạng từ liên kết (conjunctive adverbs):  
*at least, however, meanwhile, moreover, nevertheless, otherwise ...*

- Một số liên từ tương quan (correlative conjunctions):

*both...and, either...or, neither...now, not only...but also, no sooner...than...*

**Lưu ý:** Nếu các mệnh đề trong câu ghép có cùng chủ ngữ và trợ động từ (nếu có), ta có thể lược bỏ trong mệnh đề thứ hai.

**\*Một số ví dụ (những từ/cụm từ in đậm là liên từ hoặc trạng từ liên kết):**

Some people like dogs, **and** some people like cats.

*Một số người thích chó, và một số người thì thích mèo.*

I ran as fast as I could, **but** I still missed the bus.

*Tôi đã chạy nhanh hết mức có thể, nhưng tôi vẫn bị lỡ chuyến xe buýt.*

Janet doesn't like sushi, **nor** does she like any kind of fish.

*Janet không thích sushi, cô ấy cũng không thích bất kỳ loại cá nào.*

He missed the bus; **therefore**, he was late for the meeting.

*Anh ấy bị lỡ chuyến xe buýt; do đó anh ấy đã đến cuộc họp muộn.*

Mark was badly hurt; **however**, he recovered fast.

*Mark bị thương nặng; tuy nhiên, anh ấy hồi phục nhanh chóng.*

I am very sick; I don't think I'm going to go to work today.

*Tôi bị ốm rất nặng; tôi không nghĩ hôm nay tôi sẽ đi làm.*

*Tìm hiểu thêm về câu ghép (dẫn link khi đã lên bài câu ghép)*

#### c. Câu phức (Complex sentences)

Câu phức là câu có ít nhất một mệnh đề chính (MĐ độc lập) và một hay nhiều mệnh đề phụ. Các mệnh đề được kết hợp bằng các liên từ phụ thuộc hoặc các đại từ quan hệ.

- Một số liên từ phụ thuộc (subordinating conjunctions): *although, because, even though, if, unless, whenever, wherever...*

- Một số đại từ quan hệ (relative pronouns): *who, whom, which, that...*

**LƯU Ý:** Trong câu phức, mệnh đề phụ có thể đứng trước hoặc theo sau mệnh đề chính. Nếu một câu bắt đầu bằng một mệnh đề phụ, sau mệnh đề này phải có dấu phẩy. Ngược lại, câu bắt đầu bằng mệnh đề chính thì không cần có dấu phẩy để tách 2 mệnh đề.

#### Ví dụ:

Although she wanted something new, Hilary decided to buy from the secondhand store to save money. (có dấu phẩy sau mệnh đề phụ)

*Mặc dù cô ấy muốn có cái gì đó mới, Hilary đã quyết định mua từ cửa hàng đồ cũ để tiết kiệm tiền.*

They studied APA rules for many hours as they were so interesting.

*Họ nghiên cứu các quy tắc APA trong nhiều giờ vì chúng rất thú vị.*

#### d. Câu ghép phức hợp (Compound-complex sentences)

Câu phức hợp là câu có ít nhất hai mệnh đề chính và một hay nhiều mệnh đề phụ. Loại câu này là sự kết hợp giữa câu ghép và câu phức. Các câu phức hợp thường được nối với nhau bằng liên từ kết hợp, liên từ phụ thuộc hoặc các đại từ quan hệ.

### 2.2.2. Phân loại theo mục đích và chức năng

#### a. Câu trần thuật (declarative sentence)

Là loại câu phổ biến và quan trọng nhất. Nó dùng để truyền đạt thông tin hoặc để tuyên bố một điều gì đó.

+ He likes English. (Câu trần thuật Tiếng Anh.)

+ They don't live in Vietnam. (Họ không sống ở Việt Nam)

### b. Câu nghi vấn (interrogative sentence)

- *Câu hỏi trả lời với Yes/ No (Yes/ No questions).*

Câu hỏi dạng này chúng ta sẽ đảo trợ động từ, động từ khuyết thiếu lên trước chủ ngữ.

+ Is he a singer? (Anh ấy là một ca sĩ à?)

+ What are you doing? (Câu đang làm gì vậy?)

- *Câu hỏi đuôi (tag question).* Cấu tạo của câu hỏi đuôi: Câu hỏi đuôi gồm một trợ động từ tương ứng với thì được dùng trong câu nói trước dấu phẩy, có NOT hoặc không có NOT và một đại từ nhân xưng tương ứng với chủ ngữ của câu nói trước dấu phẩy.

+ The children will come here, won't they? – (Bọn trẻ sẽ đến đây đúng không?)

Trong ví dụ trên, “won't they?” là câu hỏi đuôi. Vì câu nói trước dùng thì tương lai đơn và là câu khẳng định nên ta dùng trợ động từ “won't = will not” ở câu hỏi đuôi, và đại từ “they” được dùng để thay thế cho chủ ngữ số nhiều là “the children.

- *Câu hỏi lựa chọn (alternative question):* Là dạng câu hỏi dùng để đưa ra cho người được hỏi những lựa chọn, thường là hai. Người được hỏi chỉ có thể chọn một trong hai lựa chọn được đưa ra để thực hiện. Câu hỏi dạng này tuy bắt đầu bằng trợ động từ hoặc động từ khuyết thiếu giống câu hỏi trả lời với Yes/ No, nhưng trả lời cho câu hỏi dạng này thì phải là một câu xác định (câu chọn lựa). Thường có từ “or” để nối các lựa chọn với nhau.

+ Do you like the red hat or the blue hat? – I like the blue hat. – (Câu thích chiếc mũ màu đỏ hay màu xanh?)

+ Is he a teacher, an engineer or a doctor? – He is a teacher. – (Anh ấy là một giáo viên, một kỹ sư hay bác sĩ vậy? – Anh ấy là một giáo viên.)

- *Câu hỏi có từ hỏi (Wh-question):* Câu hỏi WH là câu hỏi bắt đầu bằng từ có W và H. Những từ này gồm có: What, Who, Where, When, Why và How. Các câu hỏi với từ để hỏi cho phép người nói tìm thêm thông tin về chủ đề mình quan tâm.

+ Nếu từ để hỏi làm chủ ngữ:

Wh-question + V...?

What happened to you last night? (Có chuyện gì xảy ra với bạn vào tối qua vậy?).

+ Nếu từ hỏi không phải làm chủ ngữ:

Wh\_question + Aux/ modal verbs + S + V...?

Trong đó: Aux = auxiliary: trợ động từ; modal verbs: động từ khuyết thiếu.

What does he do? (Anh ấy làm nghề gì?)

### c. Câu mệnh lệnh (Imperative sentences)

Câu mệnh lệnh là một dạng động từ mà được sử dụng để đưa ra mệnh lệnh, lời hướng dẫn, lời khuyên, lời mời, sự khuyến khích,... Nó được hình thành bằng cách sử dụng một nguyên mẫu của động từ (nguyên mẫu không có “to”), chúng ta có thể thêm từ “please” ở cuối câu để thể hiện sự lịch sự.

+ Shut the door! – (Đóng cửa lại.)

+ Come in, please! – (Xin mời vào!).

Chúng ta có thể thêm “Do” vào đầu câu để nhấn mạnh.

+ Do sit down! – (Xin mời ngồi).

Dạng phủ định của câu mệnh lệnh được thành lập bằng cách thêm “Don't” vào đầu câu: Don't make noise! – (Đừng làm ồn!).

### d. Câu cảm thán (Exclamative sentence)

Câu cảm thán là câu diễn tả một cảm giác (feeling), một lời khen, chê hay một cảm xúc (emotion). Câu cảm thán thường được bắt đầu với “What/ How”.

- *Câu cảm thán dùng “What”.*

+ Đối với danh từ đếm được số ít:

What + a/an + adj + noun!

What a nice room! (Một căn phòng thật đẹp!).

What an amazing gift (Một thành quả thật ngạc nhiên!).

+ Đối với **danh từ** đếm được số nhiều và **danh từ** không đếm được.

What + adj + noun!

What beautiful roses! – (Những bông hồng thật đẹp làm sao).

What awful weather! – (Thời tiết thật tệ)

### 3. Kết luận

Để học tốt Tiếng Anh, nắm vững ngữ pháp là một trong những trong những việc làm cần thiết và quan trọng. Hiểu cặn kẽ các cấu trúc câu sẽ giúp bạn nhanh chóng đạt được hiệu quả cao. Cấu trúc câu Tiếng Anh là các trật tự được quy định để tạo câu có nghĩa. Trong Tiếng Anh có rất nhiều cấu trúc câu khác nhau. Các cấu trúc câu thông dụng là những cấu trúc được người bản ngữ thường xuyên sử dụng. Bạn sẽ thường gặp chúng trong giao tiếp và các bài kiểm tra. Vì thế, nắm được các cấu trúc tiếng Anh thông dụng giúp bạn học tập có lựa chọn, vừa tiết kiệm thời gian vừa hiệu quả.

#### Tài liệu tham khảo

1. Randolph Quirk and Sydney Greenbaum(2000) *A University Grammar of English*. Longman Group Ltd.

2. <https://oxford.edu.vn/>